

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016: cho kỳ hoạt động năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1. Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B 01a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B 02a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B 03a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B 09a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
5. Ý kiến kiểm toán



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	12 - 13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	16 - 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của PVN và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc PVN đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Thành viên phụ trách Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2016) (miễn nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2017)
Ông Phạm Xuân Cảnh	Thành viên
Ông Phan Đình Đức	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2016) Phó Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 04 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 04 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ninh Văn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2016)

31001
CÔ
NÁCH I
DE
VI
NG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng PVN đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

[Handwritten signature]

Số: 300 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2017, từ trang 08 đến trang 67 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

100
T
H
IT
NA
TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại các Thuyết minh số 1, số 9, số 14 và số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC), Tập đoàn đang tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án được bàn giao từ SBIC với số tiền là 695.348 triệu VND, đồng thời ghi nhận phải trả SBIC với số tiền tương ứng trên tài khoản phải trả khác. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC liên quan đến việc bàn giao các dự án trên là 720.297 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 720.297 triệu VND) và phản ánh trên khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - công ty được bàn giao từ SBIC, được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn với tổng tài sản và giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.992.315 triệu VND và âm (1.158.396) triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản, công nợ của các dự án/công ty nhận bàn giao từ SBIC và số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho SBIC. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank - Công ty con) với tổng tài sản là 114.082.903 triệu VND, nợ phải trả là 104.040.826 triệu VND, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 5.763.867 triệu VND, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 41.361 triệu VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 đưa ra ý kiến ngoại trừ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến thông tin tài chính của PVcomBank được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP - Công ty con) vào Công ty Liên doanh Petromacareo (Venezuela) và khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai để được tham gia đầu tư khai thác tại Lô Junin 2 (Venezuela) đang được ghi nhận theo giá gốc với tổng số tiền là 10.753.152 triệu VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư này với số tiền là 418.780 triệu VND đã được trích lập theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Petromacareo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Liên doanh Petromacareo để đánh giá khả năng thu hồi và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phương án xử lý đối với khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVEP đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" các chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.760.811 triệu VND. Theo thông báo của Nhà điều hành Lô 67 Peru ngày 01 tháng 6 năm 2016, Dự án Lô 67 Peru đã tạm dừng khai thác vì điều kiện bất khả kháng kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn và PVEP đang làm việc với các nhà thầu và các cơ quan có thẩm quyền để xác định phương án xử lý vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản chi phí trả trước dài hạn này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

5. Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất do Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Công ty con) làm chủ đầu tư và Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ do Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) làm chủ đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc BSR-BF và PVTex đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các kết luận và kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các điều chỉnh của các Công ty này liên quan đến kết luận của Thanh tra chính phủ và giá trị quyết toán Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất và Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có cần thiết phải điều chỉnh hay không.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn là 1.628.566 triệu VND; lỗ lũy kế là 3.442.126 triệu VND và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản là 6.017.996 triệu VND và nợ phải trả là 7.200.928 triệu VND, trong đó số dư khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tập đoàn bảo lãnh với số dư gốc vay là 5.028.441 triệu VND. Số dư các khoản vay và nợ đã quá hạn, chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.044.239 triệu VND. Ngoài ra, các khoản phải trả đang có tranh chấp với các nhà thầu và nhà cung cấp là 251.960 triệu VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ vẫn đang tạm dừng hoạt động. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex trong vòng ít nhất 12 tháng sắp tới. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định PVTex sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không và có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - PVC - Công ty con) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn với tổng tài sản là 576.523 triệu VND, nợ phải trả là 519.145 triệu VND, tổng lỗ kế toán trước thuế năm 2016 là 4.580 triệu VND. Theo báo cáo tài chính của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 314.822 triệu VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là 194.415 triệu VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. PVC chưa đánh giá được khả năng thanh toán nợ đến hạn của PVC-Land cũng như giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - Công ty con) đã ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và ghi giảm khoản mục hàng tồn kho tương ứng với giá trị đầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của BSR với số tiền là 1.007.069 triệu VND trong năm theo hướng dẫn về kế toán của các cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá tăng thêm được trích khấu hao từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản cố định tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của BSR phê duyệt. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR đang thực hiện các thủ tục cần thiết để trình cấp có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh như trên.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2015, tổ máy số 1 và 2 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào vận hành thương mại và đã được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500kV cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán, đồng thời, các thủ tục để bàn giao Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng chưa hoàn thành. Theo đó, giá trị bàn giao của các tài sản và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên có thể thay đổi khi dự án được quyết toán và bàn giao chính thức.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn và PVEP đã đánh giá các chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí không hiệu quả trong năm 2014 với số tiền là 5.633.497 triệu VND và đã gửi Công văn xin ý kiến chỉ đạo phê duyệt tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Bộ Tài chính. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phê duyệt chính thức về phương án phân bổ chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí của các dự án không hiệu quả trên.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVEP đang trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt Báo cáo kết thúc dự án thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia trong đó bao gồm khoản chi phí phải trả liên quan đến các nghĩa vụ/trách nhiệm mà PVEP phải thực hiện khi dừng tham gia Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia với tổng số tiền là 936.491 triệu VND đang được phản ánh tại khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chi phí thực hiện các nghĩa vụ/trách nhiệm còn tồn đọng này sẽ được xác định chính thức khi có quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và các cấp có thẩm quyền.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí thăm dò tìm kiếm dầu khí tại dự án 39 Peru lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.542.672 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền về báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVC có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. PVC đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, PVC đã đánh giá phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và các thỏa thuận với bên cho vay của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") và quyết định hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền là 99.912 triệu VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

8. Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26 tháng 5 năm 2017, Hội đồng Thành viên PVEP đã phê duyệt phân bổ chi phí các dự án không thành công, không hiệu quả năm 2016. Theo đó, PVEP đã ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí trong năm với giá trị là 8.694.961 triệu VND bao gồm giá trị chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ và 90% chi phí thăm dò, chi phí phát triển của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marline XI Congo. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP đang tiếp tục làm việc với các nhà thầu dầu khí, các cơ quan chức năng và các đối tác về giá trị bồi thường hợp đồng, chi phí quyết toán dự án... liên quan tới việc dừng các dự án nêu trên và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu chính thức được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
9. Như trình bày tại Thuyết minh số 4, số 20, số 22, số 25, số 28 và số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang thực hiện phân phối lợi nhuận và ghi nhận những khoản mục có tính chất đặc thù bao gồm doanh thu, chi phí, lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các hợp đồng dầu khí và Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí theo cơ chế tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong khi chờ văn bản mới thay thế Nghị định này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 7 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2013-001-1

01/07/2017
TRẦN
D
20/7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.008.105	291.995.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	S	77.730.205	102.085.718
1. Tiền	111		21.766.969	25.742.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.963.236	76.343.222
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.605.632	73.759.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	3.607.547	4.957.309
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	(223.384)	(316.010)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	94.222.519	69.118.581
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.861.616	84.530.576
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	42.140.297	33.447.992
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.564.455	13.169.626
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		361.448	367.920
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	21.877.395	14.668.238
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	29.081.146	28.614.171
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.183.532)	(5.168.874)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.407	31.503
IV. Hàng tồn kho	140	11	20.607.444	21.144.349
1. Hàng tồn kho	141		21.105.402	22.494.457
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(497.956)	(1.350.108)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.202.158	10.474.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		977.785	1.140.902
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.731.500	2.708.070
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	595.464	625.902
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	18	7.897.409	5.999.805

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		462.081.688	467.262.733
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.295.205	36.484.537
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		305.055	468.499
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		133.190	101.340
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	34.292.871	28.068.600
4. Phải thu dài hạn khác	216	9	8.599.430	8.172.771
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(35.341)	(326.673)
II. Tài sản cố định	220		150.931.286	155.873.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	146.340.500	151.084.054
- Nguyên giá	222		249.115.903	239.395.797
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.775.403)	(88.311.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		99.883	191.859
- Nguyên giá	225		158.547	354.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(58.664)	(163.007)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.490.903	4.597.488
- Nguyên giá	228		5.881.745	5.767.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.390.842)	(1.170.416)
III. Bất động sản đầu tư	230		2.615.308	2.253.099
- Nguyên giá	231		2.842.520	2.410.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(227.212)	(157.621)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		47.973.931	41.268.462
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		71.693	1.351.989
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	47.902.238	39.916.473
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.541.080	42.137.117
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	6	15.355.472	17.354.579
2. Góp vốn liên doanh	252	6	20.196.449	18.083.062
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	2.579.792	2.563.351
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.153.200)	(893.706)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	7.562.567	5.029.831
VI. Tài sản dài hạn khác	260		172.724.878	189.246.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	109.560.195	120.158.389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34	276.285	234.859
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		989.082	573.059
4. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí		16	37.308.168	43.770.838
5. Chi phí phát triển mỏ		17	10.980.050	12.271.695
6. Tài sản dài hạn khác	268	18	12.669.046	11.078.619
7. Lợi thế thương mại	269		942.052	1.158.658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		770.089.793	759.257.935

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		338.586.822	319.304.352
I. Nợ ngắn hạn	310		175.273.690	156.221.180
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	20.858.703	22.890.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.237.375	2.980.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	11.167.839	9.496.603
4. Phải trả người lao động	314		2.172.144	2.522.773
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	16.264.697	16.222.547
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		219.847	204.466
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		71.296	77.143
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	13.991.872	11.994.848
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	95.178.601	81.025.670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	9.638.547	7.113.605
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.414.386	1.367.542
12. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323		53.328	325.156
II. Nợ dài hạn	330		163.313.132	163.083.172
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	951	1.307
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		35.068	293.117
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	21	488.466	1.158.758
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.442.554	3.043.920
5. Phải trả dài hạn khác	337	22	43.848.018	33.692.432
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	94.688.804	102.715.861
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	34	15.681.679	15.798.159
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	3.183.843	3.147.189
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.943.749	3.232.429

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.502.971	439.953.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	431.018.463	439.424.947
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		281.500.000	281.500.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.014.866	11.788.507
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		113	113
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(4.805.952)	(3.686.011)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.681.828	55.194.191
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		2.584.069	2.276.685
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.800.447	21.676.318
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.265.269	29.752.352
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.631.370	17.020.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.633.899	12.731.451
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		607.117	607.117
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.370.706	40.315.675
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		484.508	528.636
1. Nguồn kinh phí	431		141.725	136.539
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		342.783	392.097
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		770.089.793	759.257.935



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	234.780.965	293.439.840
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	3.783.362	4.931.804
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	230.997.603	288.508.036
4. Giá vốn hàng bán	11	27	197.761.481	231.713.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	33.236.122	56.794.043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	17.298.307	18.729.687
7. Chi phí tài chính	22	29	11.079.456	16.890.907
8. Phần lãi thuần trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.264.586	2.424.725
9. Chi phí bán hàng	25	30	5.506.433	5.588.154
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	9.738.954	12.846.862
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		26.474.172	42.622.532
12. Thu nhập khác	31	31	1.106.835	1.274.479
13. Chi phí khác	32	32	1.063.741	1.004.805
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		43.094	269.674
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.517.266	42.892.206
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	10.314.126	13.938.042
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(423.151)	(1.740.900)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.626.291	30.695.064
<i>Phân phối cho:</i>				
Công ty mẹ Tập đoàn	61		14.022.838	26.564.772
Cổ đông không kiểm soát	62		2.603.453	4.130.292

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.517.266	42.892.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15.164.439	15.464.340
- Phân bổ chi phí thăm dò và phát triển dầu khí		15.506.776	13.981.288
- Các khoản dự phòng	03	1.609.776	(3.682.569)
- (Lãi) thanh lý tài sản cố định		(46.508)	(71.570)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	339.755	1.827.934
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(10.535.800)	(9.948.228)
- Chi phí lãi vay	06	5.156.249	4.916.084
- Ghi giảm chi phí thăm dò theo phê duyệt quyết toán		8.694.961	1.065.522
- (Lãi) tiền đầu		(2.813.092)	(4.558.337)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	972.473	1.064.778
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.566.295	62.951.448
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.519.293)	11.557.269
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.246.259	5.421.383
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.784.804	1.532.793
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.514.541	(775.354)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	1.349.762	(2.934.094)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.469.138)	(4.431.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.611.590)	(15.754.541)
Tiền thu từ cổ phần hóa các đơn vị		-	1.581.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.861.640	59.129.324
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22.125.607)	(28.478.625)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	185.491	225.872
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.444.038)	(37.517.554)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.142.898	18.771.630
5. Thay đổi các khoản đầu tư		(10.876.623)	(9.000.995)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.891.649	9.801.418
7. Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(6.842.200)	(28.012.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.068.430)	(74.211.061)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi đầu, khí nước chủ nhà, tiền đọc tài liệu để lại		2.453.072	3.871.101
2. Ngân sách Nhà nước cấp vốn	31	8.226	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	70.337.664	93.306.714
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.194.788)	(110.256.934)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(64.253)	(69.245)
6. Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	36	(15.688.644)	(9.000.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.148.723)	(22.148.689)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.355.513)	(37.230.426)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.085.718	139.316.144
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	77.730.205	102.085.718



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên theo Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là công ty Nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg chuyển đổi Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm:

- Nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí, khí hòa tan, làm dịch vụ về dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Kinh doanh dịch vụ khai thác dầu thô, khí, các sản phẩm dầu, khí và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, sản phẩm dầu khí, hóa dầu;
- Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu, khí, các nguyên liệu hóa phẩm dầu, khí;
- Khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, sản xuất, chế biến, kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Đầu tư, sản xuất kinh doanh điện và phân bón;
- Đầu tư khai thác than và các loại khoáng sản tại nước ngoài, ký kết hợp đồng nhập khẩu, cung ứng than; hợp tác khai thác và kinh doanh than trong nước, vận chuyển và tàng trữ than;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo.

Các ngành, nghề, hoạt động có liên quan đến ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính bao gồm:

- Hoạt động tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm;
- Đào tạo, cung ứng nhân lực dầu khí, xuất khẩu lao động;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch, văn phòng giao dịch;
- Triển khai, phát triển các dự án năng lượng sạch, "cơ chế phát triển sạch (CDM)";
- Đầu tư, khai thác phát triển cảng, kinh doanh vận tải biển, vận tải đường thủy, đường không và đường bộ, đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam;
- Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;
- Viện Dầu khí Việt Nam;
- Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau;
- Ban quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất;
- Ban quản lý dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Ban quản lý dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Việt Nam	100,00%	100,00%	Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	Việt Nam	100,00%	100,00%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Việt Nam	100,00%	100,00%	Kinh doanh và chế biến xăng dầu
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	(i) Việt Nam	100,00%	100,00%	Đóng tàu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Việt Nam	95,76%	95,79%	Chế biến, kinh doanh và vận chuyển khí
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	(ii) Việt Nam	89,49%	99,99%	Hóa dầu và xơ sợi
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Việt Nam	80,83%	85,69%	Sản xuất và kinh doanh phân đạm
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Việt Nam	59,58%	59,59%	Sản xuất và kinh doanh phân đạm
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Việt Nam	55,07%	58,83%	Vận tải
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	54,47%	54,47%	Xây dựng
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	53,16%	54,81%	Dịch vụ kỹ thuật, xây dựng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	(iii) Việt Nam	52,00%	52,04%	Ngân hàng
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Việt Nam	50,58%	50,79%	Dịch vụ khoan
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (Trước đây là "Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần")	(iv) Việt Nam	41,45%	42,20%	Giám định thương mại, giám định hàng hóa, sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy
Công ty Cổ phần PVI	(iv) Việt Nam	37,88%	42,69%	Bảo hiểm và đầu tư tài chính
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	(iv) Việt Nam	36,00%	36,00%	Cung cấp hóa chất, hóa phẩm và dịch vụ dung dịch khoan

Theo Hợp đồng mua bán cổ phần ký ngày 27 tháng 02 năm 2015 giữa Unocal International Corporation, Chevron Foreign Investment Inc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn đã mua lại toàn bộ cổ phần của các công ty này tại 03 công ty bao gồm Chevron Southwest Vietnam Pipeline Co. Ltd, Chevron Vietnam (Block B) Ltd., và Chevron Vietnam (Block 52) Ltd. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang làm thủ tục giải thể 3 công ty này. Toàn bộ tài sản và nghĩa vụ của các công ty này sẽ được chuyển giao lại cho Tập đoàn tại ngày hoàn thành các thủ tục giải thể.

- (i) Trên cơ sở Quyết định số 926/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC), Tập đoàn đã hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - công ty được bàn giao từ SBIC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng tài sản và giá trị tài sản thuần của công ty này là 5.992.315 triệu VND và âm (1.158.396) triệu VND (tại ngày nhận bàn giao 01 tháng 7 năm 2010 là 6.996.605 triệu VND và âm (1.044.543) triệu VND).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho SBIC. Giá trị này có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức từ cơ quan có thẩm quyền về giá trị của công ty nhận bàn giao.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex) có tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn là 1.628.566 triệu VND; lỗ lũy kế là 3.442.126 triệu VND và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản là 6.017.996 triệu VND và nợ phải trả là 7.200.928 triệu VND, trong đó số dư khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tập đoàn bảo lãnh với số dư gốc vay là 5.028.441 triệu VND. Số dư các khoản vay và nợ đã quá hạn, chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.044.239 triệu VND. Ngoài ra, các khoản phải trả đang có tranh chấp với các nhà thầu và nhà cung cấp là 251.960 triệu VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ vẫn đang tạm dừng hoạt động. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm những điều chỉnh có thể có liên quan tới vấn đề không chắc chắn này.

- (iii) Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) với tổng tài sản là 114.082.903 triệu VND, nợ phải trả là 104.040.826 triệu VND, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 5.763.867 triệu VND, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 41.361 triệu VND đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 đưa ra ý kiến ngoại trừ.

- (iv) Tập đoàn chỉ nắm giữ dưới 50% tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Cổ phần PVI (PVI), Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC) và Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVMR) (trước đây là "Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)"). Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá Tập đoàn có quyền kiểm soát các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp cũng như có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với hầu hết các thành viên chủ chốt của Ban Tổng Giám đốc của các công ty này. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát lâu dài đối với PVI, DMC và PVMR, do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con này được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Việt Nam	52,96%	35,05%	Truyền thông
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Việt Nam	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Vật tư xăng dầu	Việt Nam	44,87%	44,94%	Xăng dầu
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Việt Nam	44,07%	44,07%	Khai thác các dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quảng Trị	Việt Nam	41,66%	41,66%	Thương mại
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương xanh	Việt Nam	41,14%	33,24%	Dịch vụ khai khoáng, viễn thông
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Việt Nam	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	(vi) Việt Nam	38,89%	38,89%	Dịch vụ cảng biển
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	35,00%	35,00%	Dịch vụ tài chính, ủy thác, quản lý vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Việt Nam	34,00%	35,51%	Phân phối khí
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Việt Nam	33,00%	35,11%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mê Kông	Việt Nam	32,86%	34,96%	Vận tải
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	Việt Nam	31,91%	31,91%	Thủy điện
Công ty Cổ phần kho vận Petec	Việt Nam	31,27%	39,21%	Vận chuyển và lưu kho tài liệu
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Việt Nam	30,12%	25,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Việt Nam	29,99%	31,54%	Thương mại
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	Việt Nam	29,00%	29,00%	Thương mại
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	(vi) Việt Nam	29,00%	29,00%	Thiết kế & Dịch vụ tư vấn
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Việt Nam	27,23%	50,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Miền Trung	Việt Nam	26,29%	48,27%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Việt Nam	26,18%	39,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	Việt Nam	25,82%	43,34%	Sản xuất bao bì
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	(v) Việt Nam	25,10%	25,10%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH Fairfield Việt Nam	Việt Nam	25,00%	25,00%	Xử lý địa chấn
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Việt Nam	24,53%	24,80%	Thương mại
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Việt Nam	24,29%	24,29%	Thương mại
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	(vi) Việt Nam	24,22%	24,22%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Việt Nam	23,97%	44,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Việt Nam	23,24%	26,00%	Dịch vụ
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Việt Nam	21,79%	40,00%	Thi công cơ giới
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Việt Nam	20,26%	20,26%	Thương mại, vận tải, kho bãi
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Việt Nam	19,61%	36,00%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Việt Nam	19,52%	35,83%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc	Việt Nam	17,84%	34,58%	Cung cấp máy, thiết bị
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng chất DMC	Việt Nam	15,59%	30,00%	Khai thác, chế biến khoáng sản
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	15,29%	28,75%	Chế tạo và sửa chữa giàn khoan
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	Việt Nam	14,70%	26,99%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Việt Nam	13,47%	24,72%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Việt Nam	13,56%	24,90%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Việt Nam	12,43%	22,63%	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Việt Nam	11,92%	27,08%	Kinh doanh bê tông
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện năng PV EIC - TAGI	Việt Nam	11,89%	100,00%	Giải pháp công nghệ
Công ty Cổ phần Điện và Tự động hóa Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	11,89%	29,00%	Công nghệ, tự động hóa
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	11,41%	36,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Năng lượng Hàng hải EIC	Việt Nam	11,08%	60,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí	Việt Nam	11,13%	20,40%	Công nghệ thông tin, viễn thông

- (v) Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn ("Nghi Sơn") là liên doanh giữa PVN và Idemitsu International (Asia) Pte. Ltd., Kuwait Petroleum Europe B.V. và Mitsui Chemicals, Inc. Nghi Sơn đang trong quá trình đầu tư xây dựng, dự kiến đi vào vận hành thương mại từ Quý IV năm 2017. Theo Giấy chứng nhận đầu tư và các bản sửa đổi của Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Nghi Sơn là 2.400 triệu USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Nghi Sơn đã được các chủ sở hữu góp với tổng số tiền là 2.365 triệu USD; trong đó, Tập đoàn góp 594 triệu USD, tương đương với 12.668.173 triệu VND.
- (vi) Trong năm, Ban Tổng Giám đốc PVN đánh giá PVN không còn nắm quyền kiểm soát các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với hầu hết các thành viên chủ chốt của Ban Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An. Theo đó, khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại lại là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn liên doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ	
		vốn góp	Hoạt động chính
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	(vii) Việt Nam	51,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty Liên doanh Rusvietpetro	(viii) Nga	49,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty TNHH Gazpromviet	(ix) Nga	49,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty Liên doanh Petromacareo	(x) Venezuela	40,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty TNHH Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby)	Malaysia	31,90%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	Việt Nam	31,12%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	25,30%	Đầu tư, xây dựng kho ngầm
Công ty Liên doanh PTSC AP	Singapore	27,11%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh PTSC SEA	Singapore	27,11%	Kinh doanh tàu FSO
Công ty TNHH Malaysia VietNam Offshore Terminal	Malaysia	26,05%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH Căn Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ ống mềm
Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan
Công ty TNHH Liên Doanh PVD Tech - Oil States Industrial	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ
Công ty TNHH PV Drilling Expro International	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ
Công ty TNHH Vietubes	Việt Nam	25,79%	Sản xuất thiết bị dầu khí
Công ty TNHH Liên Doanh Dịch Vụ BJ - PV Drilling	Việt Nam	24,78%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh Rong Doi MV12	Singapore	17,54%	Dịch vụ dầu khí
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Việt Nam	15,00%	Sản xuất, bán dầu hỏa dẻo DDP
Công ty Liên doanh DMC-VTS	Lào	13,90%	Đầu tư, thăm dò, khai thác khoáng sản Bante
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao Thông Vận Tải	Việt Nam	27,77%	Kinh doanh khí

- (vii) Theo Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 27 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn trực tiếp quản lý toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro).

- (viii) Công ty Liên doanh Rusvietpetro được đăng ký thành lập tháng 7 năm 2008 tại Nga giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Zarubezhneft với mục tiêu khai thác dầu tại khu tự trị Nenhetxki ở Liên bang Nga. Công ty Liên doanh Rusvietpetro bắt đầu vận hành thương mại từ ngày 30 tháng 9 năm 2010.